

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp.

Ông Hoàng Gia Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Ú, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14-9-2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thành T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là Ủy ban nhân dân xã K), thành phố Hải Phòng ngày 18-01-2021. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng nhau tại thôn Ú, K, Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng giữa năm 2023, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, không còn sự tôn trọng nhau do vợ chồng có tính cách, lối sống khác nhau,

không có sự chia sẻ với nhau trong công việc, cuộc sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 8-2023 chị đã cùng con trai chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn C, xã Q, thành phố Hải Phòng sinh sống. Nay, chị thấy không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 18-6-2022. Từ khi chị và anh T sống ly thân nhau, cháu Q ở với chị, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm công nhân tại Công ty L, Hải Phòng, với thu nhập là 15.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con nên khi ly hôn, chị nhận tiếp tục nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-11-2025, bị đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận nội dung trình bày của chị Á về thời gian, điều kiện kết hôn; con chung và tài sản chung là đúng. Anh trình bày thêm, trong quá trình chung sống giữa anh và chị Á thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, có lời lẽ thiếu tôn trọng nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống khác biệt nhau, không có sự chia sẻ và thông cảm cho công việc của nhau, thiếu niềm tin vào nhau về mọi mặt, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ khoảng tháng 8-2023 đến nay, anh và chị Á đã sống ly thân nhau, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau. Nay, chị Á đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh thấy tình cảm giữa anh và chị Á không thể níu kéo được nữa, nên anh đồng ý ly hôn chị Á.

- Về con chung: Anh và chị Á có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 18-6-2022. Từ khi anh và chị Á sống ly thân nhau, cháu Q ở với chị Á, cuộc sống ổn định. Hiện nay, công việc của anh thường đi làm xa nhà nên khi ly hôn anh đồng ý để chị Á nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh tự thỏa thuận với chị Á, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị Á và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2021. Từ khoảng năm 2023, cuộc sống hôn nhân của chị Á và anh T không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Từ khoảng tháng 8-2023 đến nay, chị Á và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt; cháu Q ở với chị Á được chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị Á làm công nhân, có thu nhập ổn định. Chị Á có nguyện vọng được nuôi cháu Q sau khi chị Á và anh T ly hôn, anh T cũng đồng ý giao con cho chị Á nuôi.

Anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và không đến Tòa án để hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Á đối với anh Nguyễn Thành T; khi ly hôn giao con chung Nguyễn Vinh Q cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là Nguyễn Thành T, nơi cư trú: Thôn Ú, xã K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị Á và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là Ủy ban nhân dân xã K), thành phố Hải Phòng ngày 18-01-2021. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Sau khi kết hôn, từ giữa năm 2023 đến nay cuộc sống chung của chị Á và anh T không còn hoà thuận, hạnh phúc. Chị Á và anh T đã không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại, người thân hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á theo quy định tại khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ, việc về Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Á và anh T có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 18-6-2022. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị Á và anh T sống ly thân, cháu Q chung sống ổn định cùng chị Á, được chăm sóc chu đáo; chị Á có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Nên khi ly hôn cần tiếp tục giao con chung cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Á và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Á và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Á là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Á và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Thành T có một con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2022. Khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Vinh Q cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Á và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi chị Á và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Á đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005196 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị Á đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hợp Hoàng Gia Tuấn

Bùi Xuân Vinh

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- UBND xã Kiến Thụy, TP Hải Phòng
(GCNKH số 02 ngày 18-01-2021);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hợp Hoàng Gia Tuấn

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết

Trần Văn Hợp

Bùi Xuân Vinh

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- UBND xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh (GCNKH ngày 03-10-1996);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết

Trần Văn Hợp

Bùi Xuân Vinh

